SAO Y
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước
Thời gian ký: 15/06/2021 14:56:56 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1538 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 15 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án sáp nhập Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kết luận số 290-KL/TU ngày 03/5/2019 của Tỉnh ủy về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kết luận số 2940-TB/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh uỷ về Thông báo cuộc họp Thường trực Tỉnh ủy - phiên 20/2019 (về các nội dung do UBND tỉnh báo cáo) và Thông báo số 37-TB/TU ngày 31/12/2020 của Tỉnh ủy về kết luận cuộc họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh về việc thành lập, bổ sung Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Công văn số 742/BQL-VP ngày 02/6/2021; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn 684/SNN-VP ngày 23/4/2021 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 843/TTr-SNV ngày 10/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án sáp nhập Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Sở Nội vụ (05 bản);
- LĐVP, Phòng NC, KT, TH;
- Lưu: VT, (T85).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN
Sáp nhập Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 15/ 6/2021 của UBND tỉnh)

Phần I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT

Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước *(sau đây gọi tắt là Ban Quản lý Khu Nông nghiệp)* trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh. Kể từ khi thành lập đến nay, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp đã đạt được một số kết quả bước đầu về xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thu hút được một số doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao như: Rau thủy canh, dưa lưới...

Sau gần 04 năm thành lập, bên cạnh những thuận lợi như trên, việc tổ chức điều hành, quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp đã gặp phải một số khó khăn, vướng mắc, như: Là đơn vị đặc thù nên các quy định về cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chưa được quy định cụ thể; chưa có quy định cụ thể về trình tự thủ tục, pháp lý về thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực mới này… nhất là trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, nên công tác quản lý điều hành để thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra, chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ cũng như tiềm năng, thế mạnh sẵn có để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại địa phương.

Trong khi đó, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh ngoài phạm vi quản lý các khu công nghiệp, còn có khu kinh tế cửa khẩu với quỹ đất có diện tích khá lớn và đội ngũ công chức, viên chức có kinh nghiệm trong việc lập quy hoạch, quản lý đầu tư, quản lý công nghệ, môi trường, lao động, nhất là trong việc xúc tiến và thu hút đầu tư; hiện đang quản lý nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nước ngoài có sử dụng sản phẩm nông nghiệp địa phương làm nguyên liệu cho sản xuất, xuất khẩu với kim ngạch đã đạt gần 01 tỷ USD mỗi năm. Đây là một lợi thế rất lớn có thể tận dụng để liên kết, hợp tác trong sản xuất và quảng bá sản phẩm địa phương ra nước ngoài, tăng tốc chỉ tiêu sản xuất và xuất khẩu

nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh. Do đó, nếu chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động và cơ chế quản lý Nhà nước đối với Ban Quản lý Khu Nông nghiệp từ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện nay sang Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh sẽ là một trong những ưu điểm và lợi thế rất cần thiết để giúp cho Ban Quản lý Khu Nông nghiệp có thể tận dụng, phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả để phát triển kinh tế nông nghiệp, khai thác tối đa tiềm năng từ các sản phẩm nông nghiệp để phục vụ hoạt động sản xuất công nghiệp, tăng giá trị gia tăng đối với sản phẩm của địa phương; đồng thời, tạo dựng thương hiệu đặc trưng theo chỉ dẫn vùng địa lý cho cả sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp, tạo đầu ra ổn định; gắn chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ... đó là định hướng rất đúng đắn, từ đó hình thành vùng nguyên liệu, chuỗi sản xuất; sử dụng đòn bẩy công nghệ và công nghiệp hóa làm tăng giá trị sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp giúp kinh tế địa phương phát triển nhanh và bền vững, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

Từ thực tế đó, đòi hỏi cần thiết phải sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao theo một mô hình phù hợp nhằm đáp ứng được các yêu cầu thực tế trong quản lý, khai thác hiệu quả các loại hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với việc tận dụng, khai thác, ứng dụng các nguồn lực công nghiệp vào sản xuất các sản phẩm nông nghiệp theo hướng bền vững. Trong đó, việc tập trung nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước tại các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là một đòi hỏi tất yếu, có tính chiến lược lâu dài; đồng thời, đẩy mạnh việc xúc tiến đầu tư, khai thác cơ sở hạ tầng và nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; xúc tiến thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển kinh tế nông nghiệp với công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ những lý do trên, việc xây dựng Đề án sáp nhập Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh là phù hợp với chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Thông báo số 37-TB/TU ngày 31/12/2020 về kết luận cuộc họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ, cũng như tình hình thực tế tại địa phương.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

4. Quyết định số 999-QĐ/TU ngày 10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về việc ban hành Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Kết luận số 290-KL/TU ngày 03/5/2019 của Tỉnh ủy về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Thông báo số 2940-TB/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh uỷ về Thông báo cuộc họp Thường trực Tỉnh uỷ - phiên 20/2019 *(về các nội dung do UBND tỉnh báo cáo)*.

7. Thông báo số 37-TB/TU ngày 31/12/2020 của Tỉnh ủy về kết luận cuộc họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ.

8. Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh về việc thành lập, bổ sung Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Phần II
HIỆN TRẠNG BAN QUẢN LÝ KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

I. HIỆN TRẠNG VỀ VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ

1. Vị trí

a) Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước *(sau đây viết tắt là Ban Quản lý Khu Nông nghiệp)* là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

b) Ban Quản lý Khu Nông nghiệp chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổ chức, biên chế và hoạt động; đồng thời, chịu sự chỉ đạo kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan chuyên ngành cấp trên.

2. Chức năng, nhiệm vụ

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp thực hiện theo Quyết định số 246/QĐ-SNN-TC ngày 04/7/2017 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Trụ sở làm việc của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp: Ấp 8, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

3. Về cơ cấu tổ chức, biên chế, nhân sự

a) Lãnh đạo Ban Quản lý Khu Nông nghiệp gồm có: Giám đốc và hai (02) Phó Giám đốc.

b) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, gồm:

- Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp, gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 06 viên chức, 02 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

- Phòng Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 07 viên chức.

c) Biên chế, nhân sự:

- Biên chế sự nghiệp được giao: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp được giao **16** biên chế sự nghiệp và **02** hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

- Biên chế sự nghiệp đã thực hiện (tuyển dụng): **16/16** biên chế sự nghiệp và **02** hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP.

(Có Phụ lục 1 về Danh sách biên chế, nhân sự kèm theo).

II. VỀ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

1. Tài chính

- Kinh phí do Nhà nước cấp năm 2021: **2.720.000.000 đồng** *(Hai tỷ bảy trăm hai mươi triệu đồng).*

Trong đó:

+ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: 1.720.000.000 đồng.

+ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: 1.000.000.000 đồng.

(Theo Quyết định số 577/QĐ-SNN-KH ngày 30/12/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Kinh phí tự chủ: Không.

- Vốn phải thu (nếu có): Không.

- Nợ phải trả (nếu có): Không.

2. Tài sản: Có Phụ lục 2 về Danh mục tài chính, tài sản chi tiết kèm theo.

Phần III
PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP BAN QUẢN LÝ KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀO BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Sáp nhập nguyên trạng Ban Quản lý Khu Nông nghiệp từ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện nay sang trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, đổi mới mô hình tổ chức hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động.

b) Việc sáp nhập Ban Quản lý Khu Nông nghiệp từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh nhằm tăng vai trò quản lý Nhà nước đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kích thích liên kết sản xuất nông - công nghiệp, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, nhập khẩu công nghệ cao vào hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp quy hoạch hợp lý giữa vùng nguyên liệu và khu vực sản xuất công nghiệp, giúp cân đối cung - cầu cho sản phẩm nông nghiệp, tạo ra chuỗi liên kết vùng, giúp cho ngành nông nghiệp và lĩnh vực công nghiệp chế biến phát triển ổn định và bền vững.

c) Tăng cường vai trò của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tham mưu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện quản lý Nhà nước đối với các nhiệm vụ được giao liên quan đến lĩnh vực ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao gắn với phát triển công nghiệp.

d) Triển khai thực hiện quản lý các hoạt động phục vụ phát triển tại các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với công tác nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao các mô hình sản xuất, đào tạo, tư vấn, xúc tiến đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đồng thời, huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp xanh, sạch và bền vững, đem lại giá trị cao; khai thác tối đa thế mạnh công nghiệp, nông nghiệp kết hợp với phát triển ngành khác như dịch vụ, du lịch ... tại địa phương.

đ) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo hướng là đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; có trách nhiệm tham mưu, giúp Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và nghiên cứu, chuyển giao các mô hình sản xuất tại các khu nông nghiệp công nghệ cao trong toàn tỉnh.

e) Xây dựng danh mục vị trí việc làm phù hợp cho đội ngũ viên chức Ban Quản lý Khu Nông nghiệp để đáp ứng yêu cầu thực tế trong công việc.

2. Yêu cầu

a) Quán triệt và nâng cao nhận thức của cấp ủy, cơ quan; công chức, viên chức, người lao động về thực trạng và sự cần thiết phải sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; khắc phục chồng chéo chức năng, nhiệm vụ tương đồng nhau, vì vậy cần phải sắp xếp tổ chức bộ máy Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, giảm đầu mối, giảm trung gian, gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ viên chức; tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, bãi bỏ những thủ tục hành chính không cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút các nguồn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

b) Tổ chức thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại tổ chức bộ máy của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo quy định và chỉ đạo của Tỉnh ủy, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

c) Đảm bảo sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng nhằm tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các khâu: Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế;

xây dựng cơ chế vận hành, phân cấp quản lý; công tác cán bộ... theo đúng các quy định của pháp luật.

d) Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy được thực hiện theo nguyên tắc cấp trên gương mẫu chấp hành, cấp dưới chủ động thực hiện; phải đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, tiến hành nghiêm túc, khẩn trương. Đồng thời, phải làm tốt công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức chính trị, gắn với công tác cán bộ.

đ) Thực hiện nghiêm các chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp đối với đội ngũ công chức, viên chức và người lao động bị tác động, ảnh hưởng do sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo đúng quy định của pháp luật.

e) Thường xuyên và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát; sơ, tổng kết thực tiễn để rút kinh nghiệm để có giải pháp thực hiện cho phù hợp.

II. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỐI TƯỢNG SẮP XẾP, KIỆN TOÀN

1. Phạm vi hoạt động

Hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Phước và theo phân cấp của UBND tỉnh.

2. Đối tượng sắp xếp, kiện toàn

a) Trước khi sắp xếp, kiện toàn: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Sau khi sắp xếp, kiện toàn: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

III. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP, KIỆN TOÀN

1. Cấp ủy thống nhất lãnh đạo công tác kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, biên chế; cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, giảm trung gian; đảm bảo những quy định về phân cấp, phân quyền, giao nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực và hiệu quả.

2. Việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại Ban Quản lý Khu Nông nghiệp được tiến hành đồng bộ, toàn diện từ việc rà soát chức năng, nhiệm vụ đến việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, gắn với bố trí công chức theo năng lực phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đồng thời, việc sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại Ban Quản lý Khu Nông nghiệp không được làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó của đơn vị và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

3. Sắp xếp, bố trí hợp lý đội ngũ công chức, viên chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp, kiện toàn đảm bảo chất lượng, số lượng để nâng cao hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp phải thực hiện theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

5. Việc sắp xếp, tổ chức lại Ban Quản lý Khu Nông nghiệp đảm bảo không làm giảm mức độ tự chủ về tài chính hiện có của đơn vị theo quy định của pháp luật.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, KIỆN TOÀN

Sáp nhập nguyên trạng Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao từ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và điều chuyển chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện nay về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện.

1. Loại hình, tên gọi và trụ sở làm việc đơn vị sự nghiệp công lập

a) Loại hình: Đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo quy định của pháp luật.

b) Tên gọi: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước.

c) Trụ sở làm viêc: Ấp 8, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2. Về vị trí, chức năng

a) Vị trí:

- Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước *(sau đây viết tắt là Ban Quản lý Khu Nông nghiệp)* là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về tổ chức, biên chế và hoạt động; đồng thời, chịu sự chỉ đạo kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan chuyên ngành cấp trên.

- Ban Quản lý Khu Nông nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

b) Chức năng:

Ban Quản lý Khu Nông nghiệp có chức năng tham mưu, giúp Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện công tác quản lý Nhà nước về các hoạt động trong và ngoài các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khi được cấp có thẩm quyền giao; tổ chức nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao các mô hình sản xuất gắn với đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; thực hiện đầu tư, thu hút đầu tư vào các khu nông nghiệp công nghệ cao; tổ chức quản lý, khai thác, vận hành hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất đạt hiệu quả; chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao; phòng trừ dịch bệnh; trồng trọt, chăn nuôi đạt hiệu quả cao; quản lý ngân sách theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn

3.1. Về nhiệm vụ

Ban Quản lý Khu Nông nghiệp có trách nhiệm tham mưu Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện:

- Quy hoạch, kế hoạch phát triển hằng năm và dài hạn đối với các hoạt động tại các khu quy hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được các cấp có thẩm quyền giao.

- Kế hoạch đầu tư phát triển và dự toán ngân sách hằng năm cho hoạt động nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các chế độ chính sách ưu đãi, thu hút đối với chuyên gia, trí thức tham gia vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Xây dựng định mức thu tiền sử dụng hạ tầng trong khu nông nghiệp công nghệ cao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để thực hiện.

- Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật; là chủ đầu tư các công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước được giao quản lý.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá trong nước và nước ngoài để thu hút các nguồn vốn đầu tư vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư trong các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định.

- Quy định các chuẩn kỹ năng công nghệ, tổ chức sát hạch, tổ chức cấp chứng chỉ theo các chuẩn kỹ năng nghề.

b) Thực hiện công tác quản lý các hoạt động đầu tư tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

- Tham mưu tổ chức đánh giá, thẩm định cơ sở khoa học, công nghệ, thiết kế của các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Thực hiện đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước khi được cấp có thẩm quyền giao.

- Hướng dẫn các nhà đầu tư, các doanh nghiệp xây dựng, kinh doanh, khai thác, sử dụng cơ sở hạ tầng theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật của Nhà nước.

- Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

c) Quản lý hoạt động của tổ chức, cá nhân đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

- Làm đầu mối hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục đầu tư.

- Giúp Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh giám sát, kiểm tra quá trình sản xuất của nhà đầu tư và tham mưu xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Kiến nghị

các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp vi phạm khi vượt quá thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy Chứng nhận đầu tư và chứng nhận ưu đãi đầu tư cho các dự án trong nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

d) Thực hiện hợp tác và xúc tiến đầu tư:

- Tổ chức các hoạt động tư vấn, xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá trong nước và nước ngoài để thu hút các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Xây dựng và duy trì quan hệ hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các Hiệp hội, Viện, Trường... theo quy định của pháp luật.

- Liên kết các hoạt động nghiên cứu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Hợp tác, đầu tư với nước ngoài về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

đ) Về quản lý nghiên cứu và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

- Thực hiện các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Liên kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp.

e) Về hoạt động ươm tạo công nghệ, ứng dụng công nghệ cao:

- Tham mưu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc quyết định theo thẩm quyền (nếu được phân cấp) các lĩnh vực nông nghiệp ươm tạo, đối tượng ươm tạo và hình thức ươm tạo theo quy định của pháp luật.

- Quyết định các hình thức hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, nhóm nghiên cứu tham gia ươm tạo phù hợp với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước dành cho các hoạt động ươm tạo nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

g) Tổ chức, hỗ trợ việc đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực công nghệ cao trong các khu nông nghiệp; xây dựng các chuẩn kỹ năng công nghệ, tổ chức sát hạch và cấp chứng chỉ theo các chuẩn kỹ năng.

h) Về quản lý và thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ:

- Tham mưu Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế phê duyệt, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Ban Quản lý thực hiện nghiên cứu đề tài, dự án khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; có ý kiến về sự phù hợp quy hoạch phát triển khoa học công nghệ đối với các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, đổi mới, chuyển giao, ứng dụng và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong các khu nông nghiệp.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia các chương trình hỗ trợ, hưởng các chính sách ưu đãi cho các hoạt động nghiên cứu phát triển, đổi mới, chuyển giao, ứng dụng và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thương mại hóa sản phẩm tại các khu nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu các cơ quan có thẩm quyền tổ chức đánh giá, thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư vào các khu nông nghiệp và theo dõi, kiểm tra, giám sát trong việc triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức, triển khai các hoạt động tiếp nhận, quảng bá, trình diễn và chuyển giao công nghệ.

k) Tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại:

- Tổ chức triển lãm, hội chợ, hội thảo, giới thiệu công nghệ cao, giống mới, thiết bị, vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức khai thác các ứng dụng công nghệ mới để tư vấn, chuyển giao, thương mại hóa các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại địa phương và khu vực; liên kết khai thác du lịch tại các khu nông nghiệp; thực hiện hỗ trợ các cá nhân, tổ chức tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.

l) Quản lý, sử dụng đất đai:

- Được giao đất để tổ chức xây dựng, phát triển các khu nông nghiệp theo quy hoạch được phê duyệt và theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc đền bù, giải phóng mặt bằng tại các khu nông nghiệp.

- Tổ chức lập quy hoạch chi tiết, kế hoạch sử dụng đất của các khu nông nghiệp hàng năm và 05 năm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tổ chức đấu thầu, đấu giá quyền sử dụng đất, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Tham mưu Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư theo quyết định giao đất, cho thuê đất trong các khu nông nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

m) Thực hiện các hoạt động nghiên cứu ứng dụng gắn với với đào tạo nguồn nhân lực:

- Thực hiện nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tham gia các hoạt động ươm tạo công nghệ cao lĩnh vực nông nghiệp, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tổ chức, hỗ trợ việc đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực công nghệ cao.

n) Quản lý, sử dụng đất đai và bảo vệ môi trường:

- Tham mưu Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan trình cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, cá nhân đầu tư trong các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Giúp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư trong khu nông nghiệp theo quyết định giao đất, cho thuê đất.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra hoạt động về bảo vệ môi trường tại các dự án trong các khu nông nghiệp; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường (nếu có).

o) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc đơn vị. Quản lý vận hành hiệu quả tổ chức bộ máy và biên chế sự nghiệp theo quy định của pháp luật và theo sự phân cấp của UBND tỉnh.

p) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định pháp luật.

q) Báo cáo định kỳ, hàng tháng, quý, năm và đột xuất với UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có liên quan theo quy định của pháp luật.

r) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Quản lý Khu kinh tế giao theo quy định của pháp luật.

3.2. Về quyền hạn:

Ban Quản lý Khu Nông nghiệp được thực hiện một số quyền hạn sau:

a) Được quyền ký kết các hợp đồng thuê chuyên gia, cán bộ khoa học kỹ thuật, mua bán, trao đổi, tiếp nhận kết quả nghiên cứu, tiếp nhận giống mới, công nghệ mới phục vụ cho việc nghiên cứu hoàn thiện và chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh.

b) Được quyền sản xuất thử nghiệm, khảo nghiệm giống cây trồng, vật nuôi mới, các chế phẩm sinh học, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

c) Được ký kết các hợp đồng thực hiện các dự án, các đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực liên quan tới nông nghiệp với các tổ chức trong nước và quốc tế theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

d) Được sản xuất, kinh doanh, mua, bán, xuất nhập khẩu giống cây trồng, vật nuôi, các hàng hoá nông sản và vật tư sản xuất phục vụ nông nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

đ) Được khai thác, sử dụng trang thiết bị và cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho công tác nghiên cứu, hợp tác sản xuất và chuyển giao công nghệ.

e) Tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn; tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm; nâng lương, khen thưởng, điều động... đội ngũ viên chức và

người lao động tại Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của UBND tỉnh.

g) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Ban Quản lý Khu Nông nghiệp, gồm có: Giám đốc và không quá hai (02) Phó Giám đốc.

b) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, gồm:

- Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp.

- Phòng Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ.

Phòng có Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng. Việc bố trí chức danh lãnh đạo cấp phòng thuộc Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo tiêu chí: Từ 07 đến 09 số lượng người làm việc là viên chức sẽ bố trí 01 cấp trưởng, 01 cấp phó; từ đủ 10 số lượng người làm việc là viên chức trở lên sẽ bố trí 01 cấp trưởng, không quá 02 cấp phó; không thành lập phòng có dưới 07 số lượng người làm việc là viên chức.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Ban Quản lý Khu Nông nghiệp; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương được thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước về công tác cán bộ và theo phân cấp thẩm quyền quản lý công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh ban hành.

5. Về biên chế, nhân sự

a) Biên chế của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp thuộc biên chế sự nghiệp, số lượng người làm việc được giao trên cơ sở Đề án vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế sự nghiệp của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh được UBND tỉnh giao.

Sau khi sáp nhập, yêu cầu Ban Quản lý Khu Nông nghiệp phải bố trí người làm việc theo vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

b) Giám đốc Ban Quản lý Khu Nông nghiệp được ký hợp đồng lao động theo thời vụ và hợp đồng thực hiện công việc thường xuyên làm việc tại Ban Quản lý Khu Nông nghiệp sau khi được Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế chấp thuận bằng văn bản, việc ký kết hợp đồng lao động phải thực hiện theo pháp luật về lao động hiện hành. Tiền lương, tiền công của những người lao động hợp đồng được chi trả từ nguồn thu của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp.

V. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG

1. Ban Quản lý Khu Nông nghiệp là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo quy định của pháp luật, thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công

lập và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

2. Phương án tự chủ tài chính sau khi sắp xếp, sáp nhập:

Lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp, như sau:

- Kể từ ngày UBND tỉnh phê duyệt Đề án sáp nhập đến hết năm 2023: Tự chủ 30% về tài chính.

- Từ năm 2024: Tự chủ 50% về tài chính.

- Từ năm 2025: Tự chủ hoàn toàn về tài chính.

VI. XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN SAU KHI SẮP XẾP, KIỆN TOÀN

1. Về biên chế, nhân sự và người lao động sau khi sắp xếp, kiện toàn

a) Điều chuyển **16** biên chế sự nghiệp (viên chức) và **02** hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định *(có danh sách cụ thể kèm theo).*

b) Sau khi thực hiện xong các nội dung Đề án sáp nhập, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có trách nhiệm bố trí công tác đối với số biên chế sự nghiệp *(số lượng người làm việc)* và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp đảm bảo phù hợp với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và theo quy định của pháp luật.

2. Về chức năng, nhiệm vụ

Chuyển giao chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện nay về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện.

3. Về trụ sở, đất đai, tài sản, trang thiết bị làm việc

Tiến hành kiểm kê *(số lượng, chủng loại, giá trị khấu hao, giá trị còn lại, tài sản hư hỏng, diện tích quản lý, sử dụng...),* chốt số liệu, bàn giao nguyên trạng cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh *(có sự giám sát và thống nhất giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường)* tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định.

4. Về tài chính

a) Giám đốc Ban Quản lý Khu Nông nghiệp có trách nhiệm báo cáo kèm theo sổ sách tài chính theo từng năm và đến thời điểm Đề án sáp nhập được phê duyệt.

b) Thực hiện quyết toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020 và chốt sổ kế toán và thực hiện các nghĩa vụ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật, để sau khi sáp nhập chuyển giao toàn bộ cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tiếp tục quản lý, sử dụng.

c) Sở Tài chính phối hợp và hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển giao toàn bộ hồ sơ liên quan về kinh phí hoạt động, nguồn thu tự chủ và nguồn kinh phí sự nghiệp được cấp từ ngân sách Nhà nước cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh theo quy định.

5. Về tài liệu, sổ sách

Các loại sổ sách về quản lý; sổ sách về lao động; tài sản; đất đai; các báo cáo định kỳ về tổ chức, hoạt động, tài chính, danh mục tài liệu, hồ sơ thống kê... Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm bàn giao về cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tiếp nhận, quản lý theo quy định.

6. Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận về tài chính, tài sản

Ban Quản lý Khu Nông nghiệp có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính, tài sản có xác nhận của Sở Tài chính và các văn bản khác có liên quan đến việc sáp nhập Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

XII. HIỆU QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, KIỆN TOÀN

Việc sáp nhập Ban Quản lý Khu Nông nghiệp vào Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh sẽ giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, cụ thể như sau:

1. Tạo cơ hội liên kết giữa lĩnh vực nông nghiệp - công nghiệp, khuyến khích tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và phục vụ nhu cầu nguyên liệu chế biến cho ngành công nghiệp, góp phần tăng giá trị gia tăng sản phẩm nông nghiệp, làm cho kinh tế địa phương phát triển bền vững. Việc quản lý ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp đi vào chiều sâu, có hiệu quả kinh tế thực sự.

2. Thuận lợi trong lập quy hoạch, quản lý đầu tư, quản lý công nghệ, môi trường, lao động, nhất là trong xúc tiến và thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài. Đây là một lợi thế rất lớn có thể tận dụng để liên kết, hợp tác trong sản xuất và quảng bá sản phẩm địa phương ra nước ngoài.

3. Tổ chức các hoạt động chuyên sâu về nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đào tạo, đưa sản phẩm ngành nông nghiệp tiếp cận với nhu cầu đầu vào của hoạt động sản xuất chế biến của công nghiệp, dần dần làm chủ, thích nghi công nghệ cao từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam, cụ thể là trên địa bàn tỉnh Bình Phước thông qua việc thu hút đầu tư nước ngoài vào các khu nông nghiệp.

4. Thống nhất trong hệ thống tổ chức, quản lý, đầu tư nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của đội ngũ công chức, viên chức; nâng cao hiệu quả về công tác quản lý Nhà nước về đầu tư và sử dụng đất đai; phát huy lợi thế cạnh tranh của các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu nông nghiệp tại địa phương.

Ngoài ra, việc sáp nhập Ban Quản lý Khu Nông nghiệp về một cơ quan đầu mối là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh sẽ tạo sự thống nhất trong quản lý quy hoạch và khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên đất phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Phần IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Ngay sau khi Đề án được phê duyệt

Thực hiện việc sáp nhập Ban Quản lý Khu Nông nghiệp vào Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; sắp xếp, bố trí lãnh đạo, quản lý theo cơ cấu, tổ chức bộ máy mới. Đồng thời, giải quyết chế độ, chính sách cho số lãnh đạo, quản lý và biên chế, nhân sự, người lao động dôi dư sau khi hợp nhất và các đối tượng tinh giản biên chế (nếu có).

2. Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước chính thức trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và đi vào hoạt động: Kể từ ngày **01/7/2021.**

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

1. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định sáp nhập nguyên trạng Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao từ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

b) Tiếp nhận nguyên trạng Ban Quản lý Khu Nông nghiệp *(trụ sở làm việc, đất đai; biên chế, nhân sự; tài chính, tài sản; trang thiết bị làm việc...)* để tiếp tục quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

c) Sau khi tiếp nhận nguyên trạng Ban Quản lý Khu Nông nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có trách nhiệm sắp xếp, bố trí biên chế, nhân sự, đảm bảo số lượng người làm việc tại Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Chương I Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

đ) Phê duyệt Phương án sắp xếp, bố trí nhân sự của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo quy định của pháp luật, đảm bảo phù hợp vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của viên chức và người lao động.

e) Thu hồi con dấu của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nộp cho cơ quan Công an theo quy định; đồng thời, liên hệ với cơ quan Công an để thực hiện thủ tục cấp con dấu mới cho Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

g) Xây dựng Đề án thực hiện mô hình đơn vị hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên đối với Ban Quản lý Khu Nông

nghiệp; đồng thời, xây dựng lộ trình để Ban Quản lý Khu Nông nghiệp chuyển thành đơn vị sự nghiệp tự chủ 100% về kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

h) Tổ chức Lễ công bố Quyết định sáp nhập Ban Quản lý Khu Nông nghiệp trước ngày **01/7/2021**.

i) Báo cáo kết quả sáp nhập về UBND tỉnh *(thông qua Sở Nội vụ)*.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo Ban Quản lý Khu Nông nghiệp kiểm kê tài chính, tài sản; đất đai, trụ sở làm việc; hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị làm việc...; thực hiện các nghĩa vụ về tài chính, giải quyết công nợ tồn đọng *(nếu có)*; lập danh sách hồ sơ, tài liệu, các chương trình, dự án đang thực hiện; số lượng biên chế sự nghiệp được giao và nhân sự của đơn vị để chuyển giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tiếp tục kế thừa và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan khác có liên quan tiến hành bàn giao nguyên trạng tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự; chuyển giao chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tài chính, tài sản; toàn bộ diện tích đất; trụ sở làm việc; cơ sở vật chất, các trang thiết bị và toàn bộ hồ sơ, tài liệu khác có liên quan của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh theo quy định của pháp luật.

Thời gian hoàn thành trước ngày **25/6/2021**.

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh lại tổng biên chế sự nghiệp *(số lượng người làm việc)* và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh *(sau khi tiếp nhận bàn giao)* cho phù hợp với quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc đề nghị Sở Nội vụ ban hành quyết định phân công công tác đối với biên chế, nhân sự của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

đ) Ban hành theo thẩm quyền Quyết định bãi bỏ Quyết định số 246/QĐ-SNN ngày 04/7/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp và các Quyết định trước đây của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trái với nội dung của Đề án này.

3. Sở Tài chính

a) Cử công chức tham gia giám sát quá trình bàn giao.

b) Tham mưu UBND tỉnh thẩm định và phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh xây dựng phương án tự chủ về tài chính đối với Ban Quản lý Khu Nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Sở Nội vụ

a) Cử công chức tham gia giám sát quá trình bàn giao.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh giao biên chế sự nghiệp *(số lượng người làm việc)* và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh *(sau khi tiếp nhận bàn giao)* cho phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền quyết định phân công công tác đối với biên chế, nhân sự của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

DANH SÁCH
BIÊN CHẾ, NHÂN SỰ CỦA BAN QUẢN LÝ KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DUNG CÔNG NGHỆ CAO

(Kèm theo Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Ngày vào Đảng		Dân tộc	Tôn giáo	Ngạch công chức, viên chức	Trình độ đào tạo chia theo																	
										Chuyên môn					Chính trị				QLNN					Tin học		Ngoại ngữ	
		Nam	Nữ		Ngày Dự bị	Ngày Chính thức				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Chuyên ngành đào tạo	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	CVCC	CVC	CV	CS	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Tiếng Anh	
																									Đại học trở lên	Chứng chỉ (A, B, C)
I	**Lãnh đạo Ban**																										
1	Trần Minh Đức	1976		Giám đốc	06/5/2009	06/5/2010	Kinh	Không	01.002		X			Thạc sĩ Trồng trọt		X				X				B		C
2	Trần Đình Thọ	1970		Phó Giám đốc	12/04/2004	12/04/2005	Kinh	Không	13.095		X			Thạc sĩ Khoa học cây trồng		X					X			VP		C
3	Lê Phước Hoàng Tuấn	1970		Phó Giám đốc	16/6/2006	16/6/2007	Kinh	Không	13.095			X		Kỹ sư Chăn nuôi			X				X			VP		TOIEC
II	**Phòng Nghiệp vụ Tổng hợp**																										
4	Đoàn Quang Thức	1976		Trưởng phòng	22/12/2011	22/12/2012	Kinh	Không	01.004			X		Cử nhân QTKD			X				X			B		B
5	Hà Văn Khang	1978		Phó trưởng phòng	02/2/2018	02/2/2019	Kinh	Không	13.095			X		Kỹ sư Nông học			X							VP		B
6	Lê Thị Hường		1985	CBKT	25/11/2019	25/11/2020	Kinh	Không	13.095			X		Kỹ sư Chăn nuôi				X						B		B
7	Trần Thị Mỹ Hương		1990	CBKT			Kinh	Không				X		Kỹ sư Khoa học cây trồng										A		B
8	Nguyễn Hoàn Phong	1983		CBKH	19/10/2015	19/10/2016	Kinh	Không	13.095		X			Thạc sĩ Khoa học cây trồng			X				X			B		B
9	Lê Thị Quý		1982	Kế toán Trưởng	08/7/2014	08/7/2015	Kinh	Không	06.031			X		Cử nhân Tài chính Kế toán			X				X			A		B
III	**Phòng Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ**																										
10	Trần Thị Sang		1986	Trưởng phòng	19/10/2015	19/10/2016	Kinh	Không	13.095		X			Thạc sỹ Kinh tế			X							B		B
11	Lê Anh Tông	1979		Phó trưởng phòng	05/8/2014	05/8/2015	Kinh	Không	09.060		X			Thạc sĩ Khoa học cây trồng			X							B		A
12	Lê Thị Hương		1985	CBKT			Kinh	Không	13.095			X		Kỹ sư Nông học				X						A		B

13	Nguyễn Xuân Hùng	1990		CBKT			Kinh	Không				X		Kỹ sư Khoa học cây trồng				X						A		B
14	Trần Văn Lực	1983		CBKT	23/01/2007	23/01/2008	Kinh	Không				X		Kỹ sư Khoa học cây trồng			X							VP		B
15	Lê Văn Tuân	1982		CBKT			Kinh	Không	13.095			X		Kỹ sư Khoa học cây trồng				X						B		B
16	Nguyễn Chính Việt	1987		CBKT			Kinh	Không	13.095			X		Kỹ sư Công nghệ sinh học				X			X			B		B
IV	**Hợp đồng Nghị định 68**																									
17	Trần Văn Hùng	1973		Lái xe			Kinh	Không	01.010																	
18	Trần Văn Đắc	1970		Bảo vệ			Kinh	Không	01.011																	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2

DANH MỤC
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA BAN QUẢN LÝ KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

(Kèm theo Quyết định số 1538 /QĐ-UBND ngày 15/6 /2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Ghi tăng tài sản cố định							Hao mòn tài sản cố định							
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm đưa vào SD	Số hiệu TSCĐ	SL	Giá trị	Hao mòn 1 năm		Số hao mòn các năm trước chuyển sang (ước tính)	Năm 2019	Lũy kế hao mòn đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ (ước tính)	Lý do ghi giảm TSCĐ	Giá trị của TSCĐ còn lại (ước tính)	Số năm trích khấu hao
	Số hiệu	Ngày tháng						Tỷ lệ %	Số tiền						
A	B	C	D		G	1	2	3	4	5	6	7	K	9	
Loại tài sản: Đất															
1			Chứng nhận QSD đất AQ 206280 diện tích 19.558,0 m2	2009	Đất trụ sở										
2			Chứng nhận QSD đất AQ 206281 diện tích 337,946,1 m2 (đã trừ phần đất giao cho HTX Nguyên Khang)	2009	Đất SXNN										
Loại tài sản: Nhà cấp IV							**410,594,800**		**27,756,813**	**397,388,744**	**0**	**410,594,800**	**0**	**0**	
3			Nhà ăn tập thể	2004	NHAAN	1	28,806,000	6.67	1,921,360	28,806,000		28,806,000		0	15
4			Nhà ở CN & Khu VS (3p, 1NVS)	2003	NHÀ CN	1	72,555,000	6.67	4,837,000	72,555,000		72,555,000		0	
5			Nhà hội trường	2004	NHT	1	99,657,000	6.67	6,643,800	99,657,000		99,657,000		0	15
6			Nhà làm việc	2004	NLV	1	198,090,800	6.67	13,206,053	184,884,744		198,090,800		0	15
7			Nhà kho chứa thức ăn	2003	107023	1	11,486,000	10	1,148,600	11,486,000		11,486,000		0	
Loại tài sản:			**Vật kiến trúc khác**				**3,059,871,000**		**305,987,100**	**1,817,832,200**	**220,099,300**	**2,037,931,500**	**0**	**1,021,939,500**	
8			Chuồng nuôi dê giống	2011	10701	1	19,200,000	10	1,920,000	13,440,000	1,920,000	15,360,000		3,840,000	10
9			Hàng rào cách ly khu chăn nuôi	2011	10702	1	522,611,000	10	52,261,100	365,827,700	52,261,100	418,088,800		104,522,200	10
10			Hàng rào cách ly chăn nuôi	2012	107021	1	333,093,000	10	33,309,300	199,855,800	33,309,300	233,165,100		99,927,900	10

11			Hàng rào khu nuôi đà điểu	2008	107022	1	62,200,000	10	6,220,000	62,200,000		62,200,000		0	
12			Nhà lưới 2000m2	2014	**Được cấp**										
13			Nhà màng	2016	107130	1	1,236,109,000	10	123,610,900	370,832,700	123,610,900	494,443,600		741,665,400	10
14			Sân, hàng rào, trụ cổng nhà làm việc	2004	SHRTSLV	1	70,682,000	10	7,068,200	70,682,000	0	70,682,000		0	
15			Khu chuồng bò 4 dãy	2002	MPT	1	661,956,000	10	66,195,600	661,956,000	0	661,956,000		0	
16			Khu chuồng heo	2004	CH	1	64,040,000	10	6,404,000	64,040,000	0	64,040,000		0	
17			Nhà màng	2018	NM	1	89,980,000	10	8,998,000	8,998,000	8,998,000	17,996,000		71,984,000	
Loại tài sản:			**Máy móc thiết bị**				**249,766,000**		**38,965,200**	**61,547,050**	**38,965,200**	**100,512,250**	**0**	**149,253,750**	
18			Thiết bị quỹ gen (4 máy tính sony vaio)	2015	SONY 2015	4	72,000,000	20	14,400,000	43,200,000	14,400,000	57,600,000		14,400,000	
19			Máy tính xách tay ASUS	2012	201012	1	15,176,000	20	3,035,200	12,140,800	3,035,200	15,176,000		0	
20			Máy phô to copy toshiba 206	2018	PPT	1	40,000,000	12.5	6,206,250	6,206,250	6,206,250	12,412,500		27,587,500	
21			Máy vi tính HP	2019	MVT	1	14,690,000	12.5	1,836,250	0	1,836,250	1,836,250		12,853,750	
22			Máy in màu Canon PIXMA G3000	2019	MAYIN	1	5,800,000	12.5	725,000	0	725,000	725,000		5,075,000	
23			Bút đo com 360 PH/EC/TDS/ nhiệt độ	2019	BĐ	1	3,900,000	12.5	487,500	0	487,500	487,500		3,412,500	
24			Máy điều hòa Panasonic	2019	MĐH	1	17,000,000	12.5	2,125,000	0	2,125,000	2,125,000		14,875,000	
25			Máy làm lạnh nhà màng	2019	MAYLANH	1	70,000,000	12.5	8,750,000	0	8,750,000	8,750,000		61,250,000	
26			Máy in Canon LBP 2900 in laser	2019	MAYIN	1	11,200,000	12.5	1,400,000	0	1,400,000	1,400,000		9,800,000	
Loại tài sản:			**Bàn ghế làm việc**				**28,730,000**		**3,591,250**	**16,406,250**	**3,591,250**	**19,997,500**	**0**	**8,732,500**	
27			Bàn ghế làm việc phòng GĐ (2 bàn, 2 ghế)	2010	BGLVGD	1	18,750,000	12.5	2,343,750	16,406,250	2,343,750	18,750,000		0	
28			Tủ hồ sơ Hòa Phát CAT118G-CAT	2019	TUHOSO	2	9,980,000	12.5	1,247,500		1,247,500	1,247,500		8,732,500	
Loại tài sản:			**Bàn ghế làm việc**				**271,238,500**		**27,123,850**	**244,114,650**	**27,123,850**	**271,238,500**	**0**	**0**	

29			Xe tải (Biển số 93C.0679)	2009	xe tai	1	271,238,500	10	27,123,850	244,114,650	27,123,850	271,238,500		0	
Loại tài sản:			**Tài sản nhận bàn giao từ BQLDA đầu tư và xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT**				**26,059,777,157**		**2,296,255,889**	**6,888,767,668**	**2,296,255,889**	**9,185,023,558**	**0**	**16,874,753,599**	
30			Máy bơm chống hạn	2017	Máy bơm	1	174,000,000	12.5	21,750,000	65,250,000	21,750,000	87,000,000		87,000,000	
31			Khu sx giống vật nuôi	2017	KSXVN	1	3,084,052,000	10	308,405,200	925,215,600	308,405,200	1,233,620,800		1,850,431,200	
32			Thiết bị văn phòng và nuôi cấy m	2017	TB	1	2,134,757,000	20	426,951,400	1,280,854,200	426,951,400	1,707,805,600		426,951,400	
33			Nhà màng trồng rau, củ, quả	2017	NM	1	4,824,700,101	10	482,470,010	1,447,410,030	482,470,010	1,929,880,040		2,894,820,061	
34			Nhà điều hành nuôi cấy mô và khu chuồng lạnh	2017	NĐH	1	15,842,268,056	6.67	1,056,679,279	3,170,037,838	1,056,679,279	4,226,717,117		11,615,550,939	
Tổng cộng							**30,079,977,457**		**2,699,680,103**	**9,426,056,562**	**2,586,035,489**	**12,025,298,108**	**0**	**18,054,679,349**	